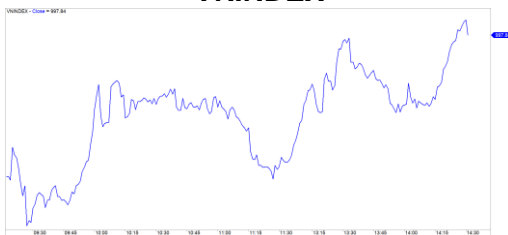


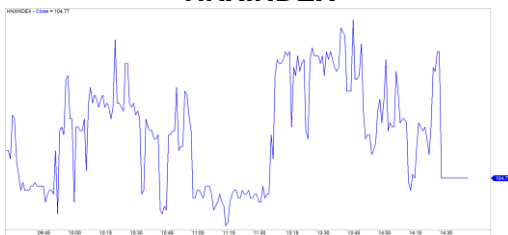
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	997.84	104.77	56.94
% ngày	0.72%	0.00%	-0.49%
% tuần	0.76%	0.60%	-0.05%
% tháng	2.16%	1.86%	-1.84%
% năm	-1.73%	-9.74%	5.07%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,118	343	179
TB 1 tuần	3,803	377	198
TB 1 tháng	3,865	366	290
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	627.62	4.01	17.71
Bán	673.11	5.17	8.84
Giá trị ròng	-45.49	-1.16	8.87
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	140	68	192
Mã Giảm	144	58	115
Không Đổi	102	242	593
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.73	9.25	18.66
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,359	191	976
LS Cổ tức	1.36%	4.00%	5.27%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index nổi dài đà tăng lên phiên thứ 2 liên tiếp áp sát ngưỡng 1,000 điểm. Chỉ số đóng cửa với mức tăng rục rờ 0.72% dừng tại 997.84 điểm. Chỉ số HNX-Index ngược lại lặng sóng khi chỉ biến động quanh tham chiếu chốt phiên tại 104.77. Chỉ số Upcom-Index giảm 0.48% đóng cửa tại 56.94 điểm. Dòng tiền duy trì ở mức cao với giá trị giao dịch khớp lệnh đạt hơn 3,700 tỷ đồng trên cả ba sàn.

Nhóm bluechip duy trì xung lực tăng mạnh mẽ có thể kể tên như MWG(+1.6%), VRE(+1.5%), FPT(+1.4%), NVL(+1.3%), SAB(+1.1%), MSN(+1.1%), GAS(+1) cùng với cổ phiếu nhóm Tài chính gồm SSI(+2.4%), VCB(+2.3%), VPB(+2.3), VND(+2.1%), BVH(+1.4%). HCM chững lại đà tăng khi điều chỉnh nhẹ 1.4% với thanh khoản bình thường. Trong rổ VN30-Index chỉ có 8 cổ phiếu giảm giá nhưng mức giảm không đáng kể. Nhóm Mid-Cap tăng yếu hơn do đà tăng phân hóa nhưng vẫn xuất hiện nhiều mã tăng khá tốt như PHR(+4.5%), FCN(+3.7%), CII(+3.1%). POW cũng gây chú ý khi tăng 3.3% với thanh khoản đạt hơn 3 triệu cổ phiếu.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng nhưng giảm cường độ với tổng giá trị 37.7 tỷ đồng trên toàn thị trường. Chứng chỉ quỹ E1VFN30(-34.6 tỷ), VRE(-28.7 tỷ) dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, VNM(+33.7 tỷ), PLX(26.9 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định ngưỡng cản tâm lý 1,000 điểm trong phiên giao dịch đầu tuần. Độ rộng thị trường và trạng thái xu hướng tiếp tục được cải thiện tích cực, nhưng xu hướng này vẫn chưa thật sự bền vững cho nên các nhà đầu tư cũng nên hạn chế hưng phấn khi chỉ số VN-Index tiệm cận mức 1,000 điểm và tránh việc mua đuổi. Đồng thời, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 981.24 điểm của chỉ số VN-Index và 102.98 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 59% cổ phiếu/41% tiền.

**Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn:** 46% cổ phiếu/54% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	988	1,000	976	953
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	102.5	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>TĂNG</b>	835	845	822	804

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.15	GIẢM	GIẢM		16.27				17.71		
ACB	23.20	GIẢM	GIẢM		24.15				23.85		
ACV	77.20	TĂNG	GIẢM	75.80	72.72	1.85%			83.54		
ANV	26.25	TĂNG	GIẢM	25.90	24.34	1.35%			27.58		
ASM	7.49	TĂNG	TĂNG	6.30	7.08	18.89%		7.61	5.80	-1.58%	
BFC	14.80	GIẢM	GIẢM		15.26				16.76		
BID	40.25	TĂNG	TĂNG	32.65	39.35	23.28%		33.40	36.62	20.51%	
BMP	50.60	TĂNG	TĂNG	51.80	50.49	-2.32%		48.30	45.90	4.76%	
BSR	9.30	TĂNG	GIẢM	10.10	9.14	-7.92%			10.51		
BVH	73.30	GIẢM	GIẢM		74.73				80.41		
BWE	25.90	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-2.81%		20.00	25.45	29.50%	
CEO	10.00	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-2.91%			11.11		
CII	21.40	TĂNG	GIẢM	21.40	21.17	0.00%	MUA		22.49		
CMG	36.35	GIẢM	TĂNG		38.86			23.20	34.96	56.68%	
CMX	24.00	GIẢM	GIẢM		27.78			5.91	26.88	354.77%	BÁN
CSM	14.95	GIẢM	TĂNG		15.10			14.39	14.22	3.89%	
CTD	95.40	TĂNG	GIẢM	97.00	92.68	-1.65%			104.50		
CTG	21.15	TĂNG	GIẢM	20.85	20.47	1.44%			21.90		
CTG	21.15	TĂNG	GIẢM	20.85	20.47	1.44%			21.90		
CTR	46.50	TĂNG	N/A	46.50	38.74	0.00%		-	N/A		
CVT	22.25	TĂNG	TĂNG	21.25	20.43	4.71%		20.35	18.94	9.34%	
DCM	7.55	TĂNG	TĂNG	8.47	7.49	-10.86%		8.54	7.15	-11.59%	
DGC	26.90	TĂNG	GIẢM	27.80	26.08	-3.24%			30.54		
DGW	25.25	TĂNG	TĂNG	24.60	24.09	2.64%		23.50	21.79	7.45%	
DHA	30.65	GIẢM	GIẢM		33.26				35.00		
DHC	34.10	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	3.33%			35.33		
DHG	93.50	TĂNG	GIẢM	93.50	93.41	0.00%	MUA		99.56		
DIG	14.40	TĂNG	TĂNG	14.25	13.71	1.05%		13.90	12.65	3.60%	
DPG	44.40	GIẢM	GIẢM		45.95				50.61		
DPM	13.55	TĂNG	GIẢM	13.60	12.84	-0.37%			14.62		
DPR	37.10	GIẢM	GIẢM		38.03				42.08		
DQC	18.25	GIẢM	GIẢM		18.62				20.27		
DRC	23.70	TĂNG	TĂNG	22.80	22.79	3.95%		21.60	20.67	9.72%	
DXG	17.15	TĂNG	TĂNG	16.15	16.31	6.19%		15.50	14.48	10.65%	



We Create Fortune

EIB	16.50	GIẢM	GIẢM		17.27				18.06		
FCN	12.65	TĂNG	GIẢM	12.65	12.49	0.00%	MUA		13.36		
FMC	26.70	GIẢM	TĂNG		27.65			31.60	26.18	-15.51%	
FPT	58.50	TĂNG	TĂNG	45.20	55.64	29.42%		46.00	52.65	27.17%	
GAS	105.00	TĂNG	GIẢM	105.20	101.15	-0.19%			109.55		
GEX	22.70	TĂNG	TĂNG	22.20	21.94	2.25%		20.20	20.77	12.38%	
GIL	20.80	TĂNG	GIẢM	21.00	19.06	-0.95%			23.76		
GMD	27.70	TĂNG	TĂNG	27.95	27.01	-0.89%		28.50	26.02	-2.81%	
GTN	19.05	GIẢM	TĂNG		19.96			15.00	17.31	27.00%	
GVR	13.70	GIẢM	N/A		14.50				N/A		
HAG	4.50	GIẢM	GIẢM		4.67				5.13		
HAX	16.30	GIẢM	GIẢM		19.27			15.75	17.40	10.46%	BÁN
HBC	14.40	TĂNG	GIẢM	13.70	13.91	5.11%			15.19		
HCM	24.45	TĂNG	TĂNG	22.15	22.93	10.38%		23.40	20.04	4.49%	
HDB	26.65	TĂNG	GIẢM	26.30	25.76	1.33%			27.71		
HDC	20.70	TĂNG	TĂNG	22.15	20.50	-6.55%		15.25	18.89	35.74%	
HDG	35.15	GIẢM	TĂNG		35.37			35.30	32.61	-0.42%	
HNG	15.40	GIẢM	GIẢM		16.56				18.52		
HPG	22.15	GIẢM	GIẢM		22.80				23.96		
HSG	6.54	GIẢM	GIẢM		6.77				7.44		
HT1	15.15	GIẢM	GIẢM		15.79				16.70		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	0.00%			2.71		
HVN	32.80	GIẢM	GIẢM		34.28				37.60		
KBC	14.85	GIẢM	TĂNG		15.40			15.35	14.37	-3.26%	
KDH	25.95	TĂNG	TĂNG	22.90	24.95	13.32%		24.00	23.00	8.13%	
KSB	21.50	GIẢM	TĂNG		22.62			23.90	21.11	-10.04%	
LCG	9.68	TĂNG	GIẢM	9.60	9.35	0.83%			10.47		
LDG	10.10	TĂNG	TĂNG	8.18	9.73	23.47%		9.89	8.90	2.12%	
LHG	16.55	GIẢM	GIẢM		17.25				19.15		
LPB	7.60	GIẢM	GIẢM		7.76				8.25		
LSS	5.00	GIẢM	GIẢM		5.33				5.62		
MBB	22.70	TĂNG	TĂNG	22.20	21.70	2.25%		21.85	20.13	3.89%	
MPC	26.20	GIẢM	GIẢM		27.29				33.18		
MSN	79.40	TĂNG	GIẢM	78.00	77.61	1.79%			81.93		
MSR	16.90	GIẢM	GIẢM		18.68				18.90		
MWG	128.00	TĂNG	TĂNG	122.40	120.26	4.58%		88.70	113.67	44.31%	
NDN	17.30	GIẢM	TĂNG		17.62			13.70	16.27	26.28%	
NKG	5.62	GIẢM	GIẢM		5.91				6.54		
NLG	27.95	GIẢM	TĂNG		28.58			28.70	26.73	-2.61%	

We Create Fortune

NT2	24.00	GIẢM	GIẢM		24.64				26.28		
NTL	23.10	TĂNG	GIẢM	23.70	22.65	-2.53%			26.18		
NVL	63.00	TĂNG	TĂNG	64.00	61.40	-1.56%		63.00	62.33	0.00%	MUA
OIL	10.70	GIẢM	GIẢM		11.50				12.17		
PAC	28.20	TĂNG	GIẢM	28.70	26.77	-1.74%			31.05		
PC1	20.90	GIẢM	TĂNG		21.49			21.10	18.48	-0.95%	
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.57			29.00	25.01	-9.66%	
PHR	60.40	TĂNG	GIẢM	60.40	58.69	0.00%	MUA		65.37		
PLX	60.50	GIẢM	TĂNG		61.98			62.40	59.59	-3.04%	
PNJ	81.10	TĂNG	TĂNG	82.70	80.55	-1.93%		104.00	78.69	-22.02%	
POW	12.70	GIẢM	GIẢM		12.78				14.03		
PVT	17.30	TĂNG	TĂNG	18.20	17.27	-4.95%		18.30	16.28	-5.46%	
PPC	26.00	TĂNG	GIẢM	26.50	25.13	-1.89%			28.66		
PTB	68.00	GIẢM	TĂNG		69.48			64.00	64.57	6.25%	
PVB	19.60	GIẢM	TĂNG		20.57			20.10	18.62	-2.49%	
PVD	18.20	TĂNG	TĂNG	18.50	17.30	-1.62%		18.10	15.96	0.55%	
PVI	33.40	GIẢM	GIẢM		34.64				37.43		
PVS	19.60	TĂNG	GIẢM	20.70	18.41	-5.31%			21.78		
PXS	4.72	GIẢM	GIẢM		5.09				6.02		
QNS	29.80	GIẢM	TĂNG		30.32			33.80	27.80	-11.83%	
REE	39.00	TĂNG	TĂNG	37.15	37.56	4.98%		33.33	33.97	17.03%	
SAB	266.50	GIẢM	TĂNG		270.34			245.00	257.56	8.78%	
SAM	7.90	TĂNG	TĂNG	7.99	7.56	-1.13%		7.40	7.47	6.76%	
SCR	6.45	GIẢM	GIẢM		6.72				7.01		
SHI	9.00	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	7.27%		6.99	8.30	28.76%	
SJS	16.30	GIẢM	GIẢM		17.29			-	19.51		
SKG	11.20	GIẢM	GIẢM		11.49				12.13		
SSI	23.20	TĂNG	GIẢM	21.65	21.30	7.16%			23.26		
STB	10.65	TĂNG	GIẢM	10.55	10.22	0.95%			11.09		
TCB	23.20	TĂNG	TĂNG	22.65	22.30	2.43%		22.65	20.77	2.43%	
TCM	23.30	TĂNG	GIẢM	23.00	21.84	1.30%			25.52		
TDH	10.65	TĂNG	TĂNG	9.40	10.42	13.30%		10.15	9.54	4.93%	
TLH	4.48	GIẢM	GIẢM		4.69				5.06		
TNG	18.50	GIẢM	GIẢM		18.86				20.81		
VCB	82.90	TĂNG	TĂNG	80.00	78.85	3.63%		62.00	74.69	33.71%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-2.22%		19.20	24.08	37.50%	
VCS	105.60	TĂNG	TĂNG	87.80	97.11	20.27%		68.00	80.70	55.29%	
VGC	19.30	TĂNG	GIẢM	19.25	19.15	0.26%			20.53		
VGT	9.10	TĂNG	GIẢM	8.90	8.49	2.25%			9.82		

We Create Fortune

VHC	79.00	TĂNG	GIẢM	80.80	76.50	-2.23%			87.84		
VHM	89.30	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	2.29%		90.20	80.11	-1.00%	
VIB	17.90	TĂNG	TĂNG	18.20	16.94	-1.65%		17.70	16.40	1.13%	
VIC	119.80	GIẢM	TĂNG		122.81			112.00	113.76	6.96%	
VIP	5.07	TĂNG	GIẢM	5.15	4.95	-1.55%			5.48		
VJC	136.60	GIẢM	TĂNG		139.00			124.50	130.27	9.72%	
VND	14.55	TĂNG	GIẢM	14.10	13.63	3.19%			15.06		
VNG	21.55	TĂNG	TĂNG	19.10	20.98	12.83%		20.20	19.28	6.68%	
VNM	130.10	TĂNG	TĂNG	124.00	124.15	4.92%		130.10	128.24	0.00%	MUA
VPB	22.15	TĂNG	TĂNG	19.10	20.86	15.97%		20.30	19.11	9.11%	
VPI	42.30	TĂNG	TĂNG	42.20	40.57	0.24%		41.30	39.30	2.42%	
VRC	15.90	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	3.92%			16.26		
VRE	33.25	GIẢM	GIẢM		34.30			35.00	33.61	-3.98%	BÁN
VSC	27.50	GIẢM	GIẢM		29.01				31.41		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.20	GIẢM	GIẢM		24.15				23.85		
BID	40.25	TĂNG	TĂNG	32.65	39.35	23.28%		33.40	36.62	20.51%	
BSR	9.30	TĂNG	GIẢM	10.10	9.14	-7.92%			10.51		
BVH	73.30	GIẢM	GIẢM		74.73				80.41		
CTG	21.15	TĂNG	GIẢM	20.85	20.47	1.44%			21.90		
EIB	16.50	GIẢM	GIẢM		17.27				18.06		
FPT	58.50	TĂNG	TĂNG	45.20	55.64	29.42%		41.00	52.65	42.69%	
GAS	105.00	TĂNG	GIẢM	105.20	101.15	-0.19%			109.55		
HDB	26.65	TĂNG	GIẢM	26.30	25.76	1.33%			27.71		
HNG	15.40	GIẢM	GIẢM		16.56				18.52		
HPG	22.15	GIẢM	GIẢM		22.80				23.96		
HVN	32.80	GIẢM	GIẢM		34.28				37.60		
KDH	25.95	TĂNG	TĂNG	22.90	24.95	13.32%		24.00	23.00	8.13%	
MBB	22.70	TĂNG	TĂNG	22.20	21.70	2.25%		21.27	20.13	6.72%	
MSN	79.40	TĂNG	GIẢM	78.00	77.61	1.79%			81.93		
MWG	128.00	TĂNG	TĂNG	122.40	120.26	4.58%		88.70	113.67	44.31%	
NVL	63.00	TĂNG	TĂNG	64.00	61.40	-1.56%		63.00	62.33	0.00%	MUA
OIL	10.70	GIẢM	GIẢM		11.50				12.17		
PLX	60.50	GIẢM	TĂNG		61.98			59.97	59.59	0.88%	

We Create Fortune

PNJ	81.10	TĂNG	TĂNG	82.70	80.55	-1.93%		77.88	78.69	4.13%	
POW	12.70	GIẢM	GIẢM		12.78				14.03		
PVS	19.60	TĂNG	GIẢM	20.70	18.41	-5.31%			21.78		
QNS	29.80	GIẢM	TĂNG		30.32			33.80	27.80	-11.83%	
REE	39.00	TĂNG	TĂNG	37.15	37.56	4.98%		33.33	33.97	17.03%	
ROS	26.40	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-4.00%			29.25		
SSI	23.20	TĂNG	GIẢM	21.65	21.30	7.16%			23.26		
STB	10.65	TĂNG	GIẢM	10.55	10.22	0.95%			11.09		
TCB	23.20	TĂNG	TĂNG	22.65	22.30	2.43%		22.65	20.77	2.43%	
TPB	22.40	TĂNG	GIẢM	22.70	21.57	-1.32%			N/A		
VCB	82.90	TĂNG	TĂNG	80.00	78.85	3.63%		62.00	74.69	33.71%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-2.22%		18.44	24.08	43.16%	
VEA	56.70	TĂNG	GIẢM	55.20	52.87	2.72%			N/A		
VGI	31.10	GIẢM	GIẢM		33.18				N/A		
VHM	89.30	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	2.29%		90.20	80.11	-1.00%	
VIB	17.90	TĂNG	TĂNG	18.20	16.94	-1.65%		17.70	16.40	1.13%	
VIC	119.80	GIẢM	TĂNG		122.81			112.00	113.76	6.96%	
VJC	136.60	GIẢM	TĂNG		139.00			124.50	130.27	9.72%	
VNM	130.10	TĂNG	TĂNG	124.00	124.15	4.92%		130.10	128.24	0.00%	MUA
VPB	22.15	TĂNG	TĂNG	19.10	20.86	15.97%		20.30	19.11	9.11%	
VRE	33.25	GIẢM	GIẢM		34.30			34.00	33.61	-1.15%	BÁN

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.15	GIẢM	GIẢM		16.27				17.71		
ANV	26.25	TĂNG	GIẢM	25.90	24.34	1.35%			27.58		
ASM	7.49	TĂNG	TĂNG	6.30	7.08	18.89%		7.61	5.80	-1.58%	
BMP	50.60	TĂNG	TĂNG	51.80	50.49	-2.32%		48.30	45.90	4.76%	
BWE	25.90	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-2.81%		19.44	25.45	33.23%	
C4G	7.00	GIẢM	GIẢM		7.32				8.51		
CEO	10.00	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-2.91%			11.11		
CII	21.40	TĂNG	GIẢM	21.40	21.17	0.00%	MUA		22.49		
CRE	24.85	TĂNG	GIẢM	25.40	24.63	-2.17%			26.06		
CTI	24.40	TĂNG	GIẢM	24.00	22.80	1.67%			24.64		
CTR	46.50	TĂNG	#N/A	46.50	38.74	0.00%		-	#N/A		
DCM	7.55	TĂNG	TĂNG	8.47	7.49	-10.86%		8.54	7.15	-11.59%	

We Create Fortune

DHC	34.10	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	3.33%			35.33		
DIG	14.40	TĂNG	TĂNG	14.25	13.71	1.05%		13.90	12.65	3.60%	
DPM	13.55	TĂNG	GIẢM	13.60	12.84	-0.37%			14.62		
DRC	23.70	TĂNG	TĂNG	22.80	22.79	3.95%		21.60	20.67	9.72%	
DXG	17.15	TĂNG	TĂNG	16.15	16.31	6.19%		15.50	14.48	10.65%	
E1VFN30	15.40	TĂNG	TĂNG	14.62	15.04	5.34%		15.26	14.27	0.92%	
FCN	12.65	TĂNG	GIẢM	12.65	12.49	0.00%	MUA		13.36		
FLC	3.63	GIẢM	GIẢM		3.74				4.03		
FTM	2.98	GIẢM	GIẢM		3.64				8.42		
GEG	27.40	GIẢM	TĂNG		28.61			12.90	24.99	112.40%	
GEX	22.70	TĂNG	TĂNG	22.20	21.94	2.25%		20.20	20.77	12.38%	
GMD	27.70	TĂNG	TĂNG	27.95	27.01	-0.89%		28.50	26.02	-2.81%	
GTN	19.05	GIẢM	TĂNG		19.96			15.00	17.31	27.00%	
GVR	13.70	GIẢM	#N/A		14.50			-	#N/A		
HAG	4.50	GIẢM	GIẢM		4.67				5.13		
HBC	14.40	TĂNG	GIẢM	13.70	13.91	5.11%			15.19		
HCM	24.45	TĂNG	TĂNG	22.15	22.93	10.38%		23.40	20.04	4.49%	
HDG	35.15	GIẢM	TĂNG		35.37			35.30	32.61	-0.42%	
HPX	26.15	GIẢM	#N/A		27.01			-	#N/A		
HSG	6.54	GIẢM	GIẢM		6.77				7.44		
HT1	15.15	GIẢM	GIẢM		15.79				16.70		
IBC	20.10	GIẢM	GIẢM		20.57			24.90	20.15	-19.10%	BÁN
IDI	7.22	TĂNG	TĂNG	6.34	7.10	13.88%		7.53	5.67	-4.12%	
IJC	14.60	TĂNG	TĂNG	15.70	14.47	-7.01%		13.10	13.12	11.45%	
ITA	3.29	TĂNG	TĂNG	3.29	3.27	0.00%	MUA	3.20	2.96	2.81%	
KBC	14.85	GIẢM	TĂNG		15.40			15.35	14.37	-3.26%	
KSB	21.50	GIẢM	TĂNG		22.62			23.90	21.11	-10.04%	
LDG	10.10	TĂNG	TĂNG	8.18	9.73	23.47%		9.89	8.90	2.12%	
LPB	7.60	GIẢM	GIẢM		7.76				8.25		
MBS	15.50	TĂNG	TĂNG	15.70	14.85	-1.27%		16.00	14.25	-3.13%	
MPC	26.20	GIẢM	GIẢM		27.29				33.18		
NBB	21.00	TĂNG	GIẢM	20.85	19.83	0.72%			22.02		
NKG	5.62	GIẢM	GIẢM		5.91				6.54		
NLG	27.95	GIẢM	TĂNG		28.58			28.70	26.73	-2.61%	
NT2	24.00	GIẢM	GIẢM		24.64				26.28		
NTC	161.00	GIẢM	GIẢM		168.71				192.49		
NTL	23.10	TĂNG	GIẢM	23.70	22.65	-2.53%			26.18		
NVB	8.50	TĂNG	TĂNG	7.60	7.55	11.84%		8.50	8.10	0.00%	MUA

We Create Fortune

OGC	3.90	TĂNG	GIẢM	4.04	3.87	-3.47%			4.31		
PC1	20.90	GIẢM	TĂNG		21.49			19.30	18.48	8.29%	
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.57			23.60	25.01	11.04%	
PHR	60.40	TĂNG	GIẢM	60.40	58.69	0.00%	MUA		65.37		
PPC	26.00	TĂNG	GIẢM	26.50	25.13	-1.89%			28.66		
PTB	68.00	GIẢM	TĂNG		69.48			60.78	64.57	11.88%	
PVD	18.20	TĂNG	TĂNG	18.50	17.30	-1.62%		18.10	15.96	0.55%	
PVI	33.40	GIẢM	GIẢM		34.64				37.43		
PVT	17.30	TĂNG	TĂNG	18.20	17.27	-4.95%		18.30	16.28	-5.46%	
QCG	4.60	GIẢM	GIẢM		4.79				5.28		
SAM	7.90	TĂNG	TĂNG	7.99	7.56	-1.13%		7.40	7.47	6.76%	
SBT	17.95	TĂNG	TĂNG	16.50	17.42	8.79%		17.50	16.44	2.57%	
SCR	6.45	GIẢM	GIẢM		6.72				7.01		
SHB	6.60	TĂNG	GIẢM	6.60	6.25	0.00%			6.86		
SHS	8.40	TĂNG	TĂNG	7.40	7.26	13.51%		8.40	8.12	0.00%	MUA
SJS	16.30	GIẢM	GIẢM		17.29				19.51		
STK	19.90	GIẢM	GIẢM		21.53				24.27		
SZC	18.70	GIẢM	#N/A		19.76			-	#N/A		
TCH	24.30	TĂNG	TĂNG	22.05	22.90	10.20%		22.50	21.23	8.00%	
TCM	23.30	TĂNG	GIẢM	23.00	21.84	1.30%			25.52		
TNG	18.50	GIẢM	GIẢM		18.86				20.81		
TTB	23.50	GIẢM	TĂNG		23.81			24.50	22.71	-4.08%	
VCI	35.00	TĂNG	TĂNG	34.50	33.85	1.45%		36.00	30.78	-2.78%	
VGT	9.10	TĂNG	GIẢM	8.90	8.49	2.25%			9.82		
VHC	79.00	TĂNG	GIẢM	80.80	76.50	-2.23%			87.84		
VND	14.55	TĂNG	GIẢM	14.10	13.63	3.19%			15.06		
VNG	21.55	TĂNG	TĂNG	19.10	20.98	12.83%		20.20	19.28	6.68%	
VPI	42.30	TĂNG	TĂNG	42.20	40.57	0.24%		41.30	39.30	2.42%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.10	GIẢM	#N/A		9.87			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.43	GIẢM	TĂNG		4.55			3.99	4.34	11.03%	
AMD	1.53	GIẢM	GIẢM		1.58				1.79		
APG	9.09	TĂNG	TĂNG	9.19	8.81	-1.09%		9.90	7.90	-8.18%	
ART	1.90	TĂNG	GIẢM	2.00	1.76	-5.00%			2.25		

We Create Fortune

BCC	7.40	GIẢM	GIẢM		7.86			8.63		
BCG	8.78	TĂNG	TĂNG	5.82	8.01	50.86%	6.39	7.06	37.40%	
C69	31.40	TĂNG	TĂNG	18.30	24.72	71.58%	5.30	21.41	492.45%	
CCL	10.20	TĂNG	TĂNG	6.38	9.58	59.87%	3.46	8.57	194.80%	
CRC	15.15	GIẢM	TĂNG		16.87		18.90	15.04	-19.84%	
CVT	22.25	TĂNG	TĂNG	21.25	20.43	4.71%	20.35	18.94	9.34%	
DAG	6.55	GIẢM	TĂNG		6.86		7.09	6.22	-7.62%	
DAH	10.05	GIẢM	GIẢM		10.48			12.12		
DGW	25.25	TĂNG	TĂNG	24.60	24.09	2.64%	23.50	21.79	7.45%	
DLG	1.52	TĂNG	GIẢM	1.61	1.52	-5.59%		1.65		
DRH	7.20	GIẢM	GIẢM		7.69			7.76		
DTD	15.70	GIẢM	TĂNG		16.12		12.90	14.20	21.71%	
EVG	2.64	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-5.71%		2.99		
FIT	3.41	TĂNG	TĂNG	3.59	3.34	-5.01%	3.64	3.03	-6.32%	
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	0.67%		15.54		
HAH	14.25	GIẢM	TĂNG		15.10		13.00	13.89	9.62%	
HAI	1.62	GIẢM	GIẢM		1.68			1.86		
HAP	3.38	GIẢM	TĂNG		3.42		3.67	3.25	-7.90%	
HAR	3.66	TĂNG	GIẢM	3.56	3.57	2.81%		3.88		
HCD	3.44	TĂNG	GIẢM	3.56	3.33	-3.37%		3.95		
HDA	10.80	TĂNG	GIẢM	11.20	10.66	-3.57%		12.07		
HDC	20.70	TĂNG	TĂNG	22.15	20.50	-6.55%	15.25	18.89	35.74%	
HHP	11.60	GIẢM	GIẢM		12.11			13.73		
HHS	3.10	TĂNG	GIẢM	3.04	3.02	1.97%		3.20		
HII	11.65	TĂNG	GIẢM	11.60	11.12	0.43%		12.29		
HQC	1.21	GIẢM	GIẢM		1.26			1.34		
HSL	8.05	GIẢM	TĂNG		8.68		9.84	7.71	-18.19%	
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	0.00%		2.71		
HVG	2.83	GIẢM	GIẢM		3.05			3.75		
HVH	17.75	GIẢM	#N/A		18.65			#N/A		
JVC	3.32	TĂNG	TĂNG	2.76	2.97	20.29%	3.10	2.68	7.10%	
KLF	1.10	GIẢM	GIẢM		1.37			1.49		
KMR	2.52	GIẢM	GIẢM		2.62			2.94		
LCG	9.68	TĂNG	GIẢM	9.60	9.35	0.83%		10.47		
LGL	10.10	GIẢM	TĂNG		11.24		7.11	9.49	41.99%	
LHG	16.55	GIẢM	GIẢM		17.25			19.15		
LMH	15.70	GIẢM	#N/A		16.73		-	#N/A		
MST	3.40	TĂNG	TĂNG	2.80	2.99	21.43%	3.40	3.16	0.00%	MUA
NDN	17.30	GIẢM	TĂNG		17.62		13.10	16.27	32.02%	



We Create Fortune

PHC	13.10	GIẢM	GIẢM		13.29				13.46		
PVB	19.60	GIẢM	TĂNG		20.57			20.10	18.62	-2.49%	
PVC	7.10	TĂNG	TĂNG	7.30	6.88	-2.74%		7.10	6.67	0.00%	
PXL	4.90	GIẢM	GIẢM		5.26				6.65		
PXS	4.72	GIẢM	GIẢM		5.09				6.02		
QBS	2.96	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	7.10	GIẢM	GIẢM		7.37				9.13		
SHI	9.00	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	7.27%		6.23	8.30	44.40%	
SJF	2.58	TĂNG	GIẢM	2.72	2.52	-5.15%			3.30		
SKG	11.20	GIẢM	GIẢM		11.49				12.13		
TDH	10.65	TĂNG	TĂNG	9.40	10.42	13.30%		10.15	9.54	4.93%	
TIG	3.90	TĂNG	TĂNG	3.40	3.48	14.71%		3.20	3.03	21.88%	
TLD	4.52	GIẢM	GIẢM		5.01				7.06		
TLH	4.48	GIẢM	GIẢM		4.69				5.06		
TNI	10.25	GIẢM	GIẢM		10.29				11.25		
TTF	2.86	TĂNG	GIẢM	3.00	2.84	-4.67%			3.40		
TTH	2.90	GIẢM	GIẢM		3.09				3.39		
TVB	16.50	GIẢM	GIẢM		17.03				18.55		
TVC	16.70	TĂNG	TĂNG	16.80	15.78	-0.60%		14.30	14.38	16.78%	
VC3	23.20	TĂNG	TĂNG	23.20	22.93	0.00%		22.00	21.61	5.45%	
VCR	19.60	GIẢM	GIẢM		21.57				25.98		
VNE	3.41	TĂNG	GIẢM	3.35	3.25	1.79%			3.70		
VPG	22.70	TĂNG	TĂNG	21.40	22.06	6.07%		20.46	20.11	10.97%	
VRC	15.90	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	3.25%			16.26		
YBM	7.10	#N/A	GIẢM	8.56	#N/A	#N/A			11.71		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	997.84	0.72%
VN30	924.83	0.73%
VN Mid	982.33	0.15%
VN Small	801.42	-0.42%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	104.77	0.00%
HN30	192.12	-0.44%
VNX AllSh	889.19	0.58%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.94	-0.49%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	627.62	
Bán	673.11	
GT rỗng	-45.49	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	4.01	
Bán	5.17	
GT rỗng	-1.16	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	17.71	
Bán	8.84	
GT rỗng	8.87	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PHR	2600	4.50%
ITA	120	3.79%
FCN	450	3.69%
IMP	1750	3.65%
BCG	300	3.54%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SHS	200	2.44%
NVB	200	2.41%
DGC	500	1.89%
VCS	1600	1.54%
NDN	200	1.17%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTR	2100	4.73%
KDF	700	2.27%
VGT	200	2.25%
VEA	1100	1.98%
SDI	1200	1.74%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAX	-1200	-6.86%
SHI	-390	-4.15%
TDH	-400	-3.62%
AAA	-500	-3.19%
NTL	-700	-2.94%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	-100	-4.00%
VCR	-300	-1.51%
SHB	-100	-1.49%
L14	-800	-1.33%
CEO	-100	-0.99%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MPC	-500	-1.87%
HTM	-300	-1.84%
SIP	-900	-0.94%
QNS	-100	-0.33%
BSR	0	0.00%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	398,166	
VCB	300,419	
VHM	297,102	
VNM	226,379	
GAS	199,051	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,777	
VCS	16,307	
VCG	11,661	
PVS	9,607	
SHB	8,061	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	166,238	
VGI	94,267	
VEA	73,916	
GVR	54,660	
MCH	52,157	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	19,978,160	19,975,267
VPB	8,146,810	3,927,634
VRE	7,073,040	2,653,356
MBB	6,412,050	4,756,443
FTM	4,799,460	138,342

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHS	2,207,997	945,070
ACB	2,163,755	2,023,527
SHB	1,992,139	4,460,193
PVS	1,632,908	2,402,977
VIX	1,626,994	656,947

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VIB	1,505,276	654,794
BSR	1,335,490	1,596,427
LPB	730,157	275,946
KHA	665,000	255
CTR	391,511	369,741

Nguồn: Bloomberg & YSVN

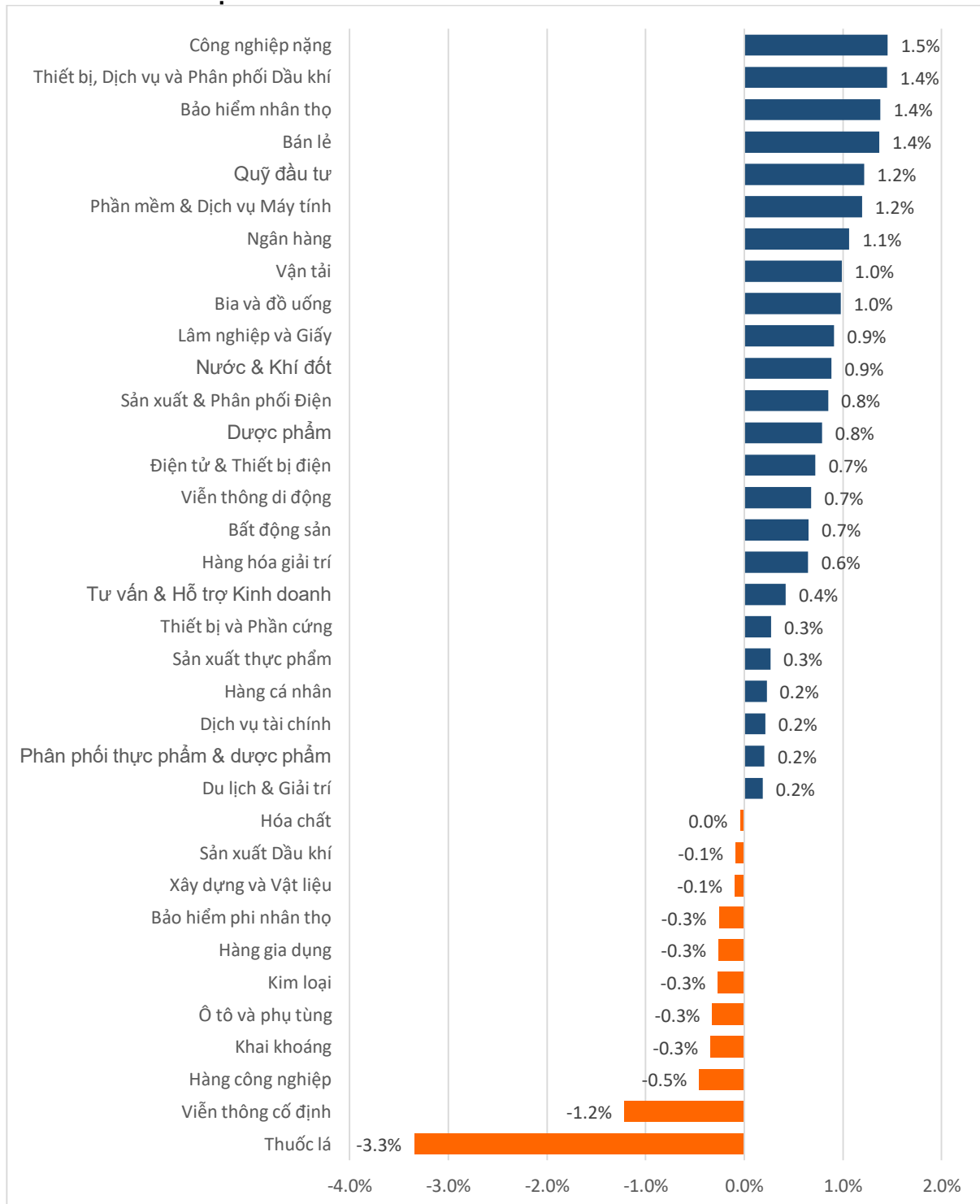
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



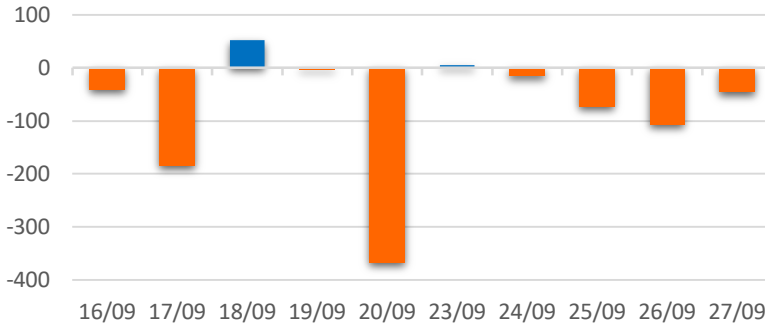
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

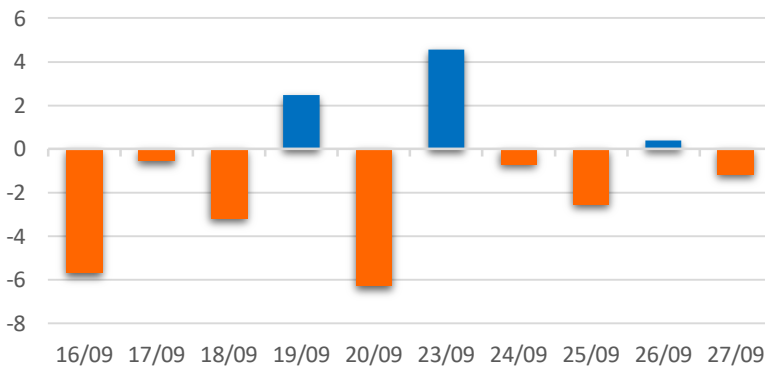
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	33,798	E1VFN30	34,617
PLX	26,983	VRE	28,763
SSI	25,098	POW	18,815
VCB	18,751	HDB	16,920
KDH	8,793	HPG	16,671

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

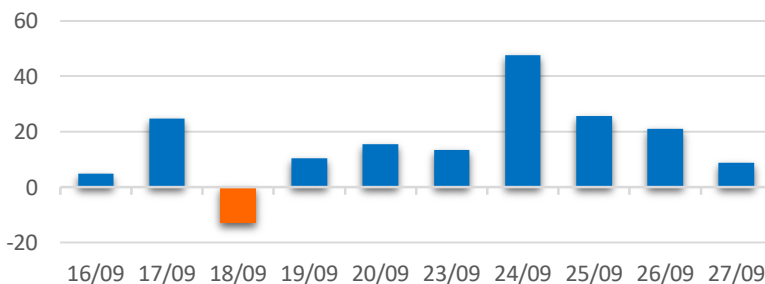
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
NTP	1,078	VCS	3,272
TNG	463	PVS	1,119
DGC	340	SHS	88
SHB	254	VKC	40
WCS	226	PPY	28

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	2,391	BSR	342
ACV	1,667	FOX	300
VEA	1,653	TCW	46
BCM	683	VIB	40
MPC	514	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



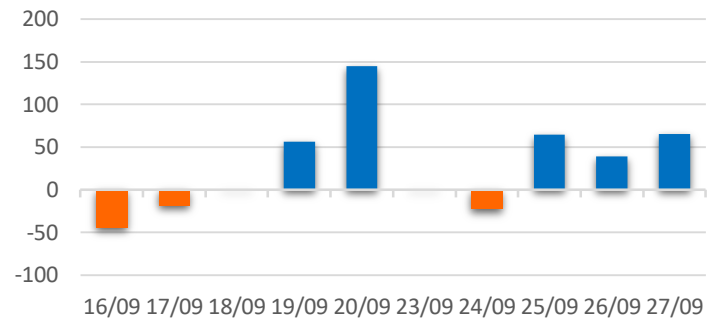
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

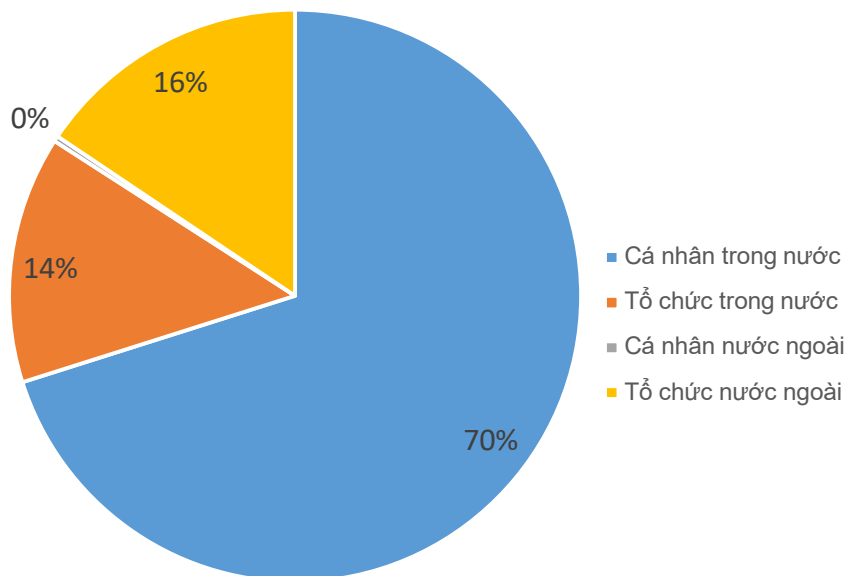
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>E1VFN30</b>	34,586	<b>MWG</b>	18,436
<b>MWG</b>	8,955	<b>VNM</b>	7,920
<b>HPG</b>	8,396	<b>TCB</b>	5,582
<b>VNM</b>	3,805	<b>FPT</b>	5,578
<b>FPT</b>	3,116	<b>VIC</b>	5,332

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

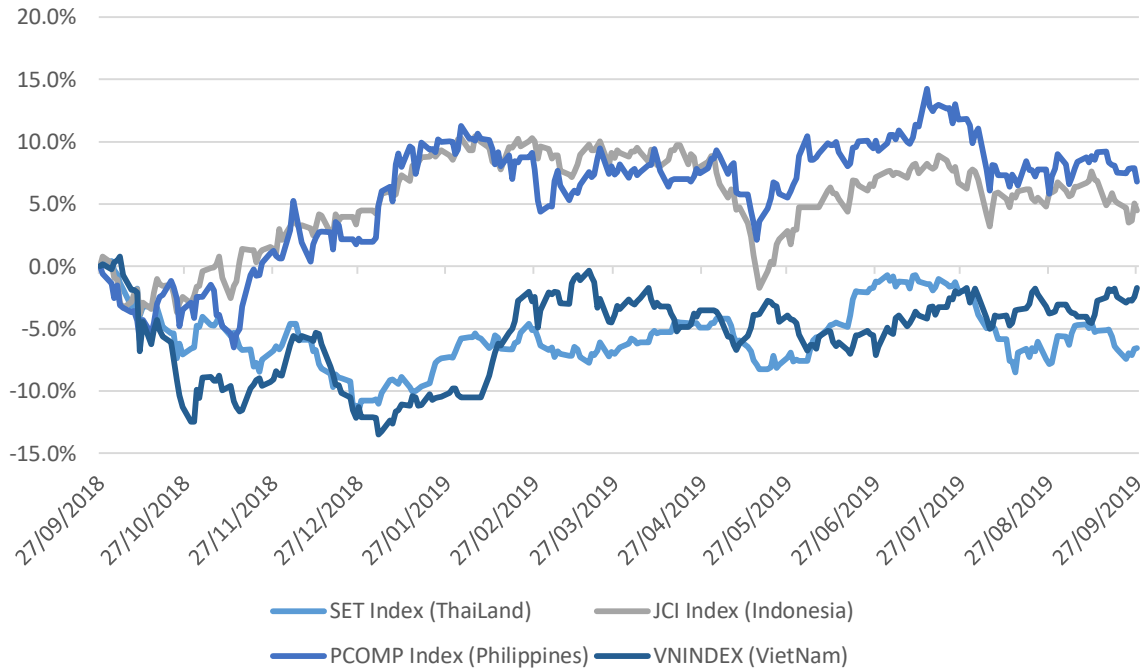


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

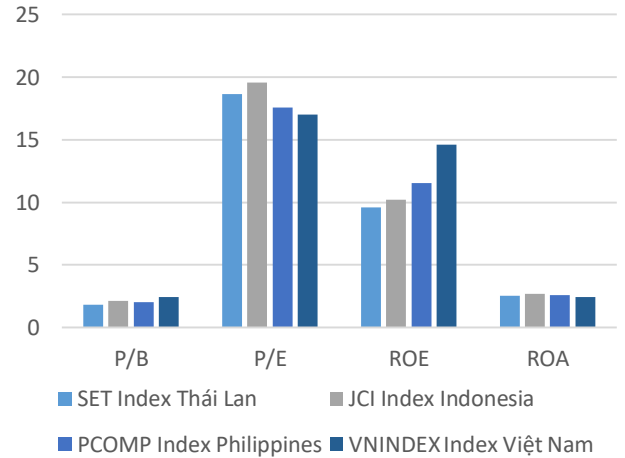
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.6x	19.6x	17.6x	17.0x
ROE	%	9.57	10.22	11.54	14.60
ROA	%	2.51	2.70	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	550.23	506.63	190.95	144.45
GTGD	Triệu USD	1.25	0.47	0.07	0.13
LS cổ tức	%	3.12	2.48	1.67	1.95

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

**Đặng Phi Phôn**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written